

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 353/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Nhật Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: Đường T, Phường N, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Đường T, Phường N, Quận T, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 17 tháng 5 năm 2021, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Nhật Q yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, Quyền số 01/2012, ngày 23/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố H. Đến năm 2017, thì vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Nhật Q khai có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Nhật Anh K, sinh ngày 10/11/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố H và tên Nguyễn Nhật Anh T, sinh ngày 18/3/2012 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận T, Thành phố H. Ông Q

và bà T thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà T và ông Q mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng bà T tự nguyện chịu toàn bộ và được ông Q đồng ý, nên Tòa án ghi nhận thỏa thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Nguyễn Nhật Q thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106, Quyền số 01/2012, ngày 23/4/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Nhật Anh K, sinh ngày 10/11/2015 và tên Nguyễn Nhật Anh T, sinh ngày 18/3/2012 cho bà Trần Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0046274, ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Trần Thị Thu T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 5,  
Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thành Trung**